

SỰ PHÁ SẢN CỦA NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ MỸ TRONG CUỘC CHIẾN TRANH THỰC DÂN MỚI Ở VIỆT NAM (1954-1975)

Võ Văn Sen

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: Bài viết tập trung phân tích sự phá sản của những tư tưởng chỉ đạo cơ bản nhất của nghệ thuật quân sự mà Mỹ đã áp dụng trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, cụ thể là:

- Sự phá sản của sự sùng bái sức mạnh hòa lực, vũ khí kỹ thuật chiến tranh hiện đại của Mỹ
- Mỹ không thể giành thế chủ động mà luôn rơi vào thế bị động chiến lược.
- Mỹ không giải quyết được một loạt mâu thuẫn về quân sự giữa đánh nhanh và đánh lâu dài, giữa phân tán và tập trung, giữa phòng ngự và phản công... khi đối phó với cuộc chiến tranh nhân dân của Việt nam.

“Chiến tranh là một cuộc đọ sức quyết liệt nhất, một sự ganh đua quyết liệt nhất về lực lượng cũng như về cố gắng chủ quan của hai bên, trên cơ sở những điều kiện khách quan nhất định” (1). Sự thất bại của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới ở Việt Nam trước hết là sự thất bại của nghệ thuật quân sự Mỹ khi đọ sức với nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Nghệ thuật quân sự bao gồm ba bộ phận hợp thành cơ bản là chiến lược quân sự, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật, trong đó chiến lược quân sự là quan trọng nhất. Bài viết này không thể đi sâu khảo sát tất cả các nội dung cụ thể cùng mối quan hệ của ba bộ phận này, mà chỉ có thể dừng lại

ở sự phá sản của những vấn đề, những tư tưởng chỉ đạo cơ bản nhất của nghệ thuật quân sự mà Mỹ đã áp dụng trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

1. Sự phá sản của tư tưởng “chiến tranh tiêu hao” (“war of attrition”), của sự sùng bái sức mạnh của hòa lực, vũ khí-kỹ thuật chiến tranh hiện đại do nền công nghiệp quân sự khổng lồ của mỹ cung cấp

Tư tưởng quân sự xuyên suốt lịch sử 200 năm lập quốc của Mỹ luôn là tư tưởng giành “thắng lợi triệt để”, bắt đối phương phải “đầu hàng vô điều kiện” bằng cách chủ yếu dùng sức mạnh của hòa lực, vũ khí-kỹ thuật chiến tranh hiện đại nhất của Mỹ. Từ cuối thế kỷ XIX trở đi Mỹ trở

thành nước giàu nhất thế giới, có một lực lượng quân sự hùng mạnh nhất trong phe đế quốc. Cả hai cuộc Chiến tranh thế giới không làm cho Mỹ nghèo đi chút nào, mà chỉ giúp nhân đôi sự giàu mạnh của Mỹ vì Mỹ “quân sự hóa” nền kinh tế, thu được 50% tổng lợi nhuận nhờ bán vũ khí. Tư tưởng này đã chi đạo cả hai Đảng Dân chủ và Cộng hòa bước vào cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới ở nước ta. Tướng William DePuy, Phó Tư lệnh Quân đội Mỹ ở Miền Nam, mùa xuân 1966 đã tổng kết chiến lược quân sự Mỹ: “Giải pháp ở Việt Nam là bom nhiều hơn, đạn pháo nhiều hơn, bom na-pan nhiều hơn... cho tới khi đối phương tan vỡ và đầu hàng” (2).

“Hàng rào điện tử McNamara”, chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”, ... của Mỹ cũng không thể nào giúp quân ngụy giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh đặc biệt mà đã bị phá sản ngay từ đầu trước phương châm “hai chân, ba mũi” của cách mạng miền Nam. Năm 1965 Johnson đưa quân vào miền Nam, leo những nấc thang cao nhất trong cuộc chiến, đẩy mạnh những cuộc hành quân “tìm diệt” (“search and destroy”) nhằm tiêu diệt chủ lực của ta, giành quyền chủ động trên chiến trường với niềm tin “tuyệt đối” vào sức mạnh của Mỹ. Sau khi cuộc phản công chiến lược mùa khô thứ nhất 1965-1966 với 450 cuộc hành quân lớn nhỏ nhằm vào 5 hướng

chiến lược thất bại, Mỹ đã dồn mọi hy vọng vào cuộc phản công chiến lược lần thứ hai 1966-1967 với quy mô và hòa lực gấp đôi lần trước: 895 cuộc hành quân lớn nhỏ nhưng chỉ tập trung vào một hướng là Đông Nam bộ, trong đó có ba cuộc hành quân có mật độ quân số cao nhất cuộc chiến tranh Việt Nam (Attleboro: 30.000 quân, Cedar Falls : 35.000 quân và Junction City: 45.000 quân)(3). Đây là ba cuộc hành quân điển hình nhất của biện pháp chiến lược “tìm diệt”. Thế nhưng “cuộc tiến công chủ yếu của Mỹ đã không thể bẫy được được lực lượng chủ yếu của Cộng sản”(4), “không xóa được “chiến khu C” (“war zone C” của Cộng sản” (5). Nhà sử học Mỹ Gabriel Kolko cho biết: “Vào đầu năm 1967 mọi nhân vật quan trọng ở Washington đều biết từ những báo cáo của CIA và Lầu Năm Góc rằng chiến lược của Mỹ đã, đang thất bại” (6). Khi tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất, Johnson đã đánh giá sức mạnh của không quân của chúng quá lớn và cho rằng miền Bắc không có khả năng kháng cự vì không đủ hai điều kiện: Lực lượng phòng không miền Bắc không đủ sức bắn máy bay Mỹ; không quân miền Bắc không đủ khả năng chiến đấu với không quân Mỹ. Tướng không quân Le May còn chủ quan hơn khi nói rằng : “ Không quân là quyết định, không quân là công cụ chiến thắng,

bằng không quân chúng ta có thể đạt bất kỳ mục tiêu nào trên thế giới; Bắc Việt Nam hãy sờ lên gáy, nếu không chúng ta sẽ ném bom tàn phá tan hoang, đẩy lùi Bắc Việt Nam về thời kỳ đồ đá. Dưới bom đạn Mỹ, Bắc Việt Nam không chịu nổi vài tuần “(7). Thế nhưng, sức mạnh của cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại đã làm kẻ thù hoàn toàn kinh ngạc! Tỷ lệ máy bay rơi so với số lần xuất kích là 5-8%, có trận lên đến 10%, trong khi đó tỷ lệ này trong Chiến tranh thế giới thứ hai chỉ là 1%. “Một số người lái theo kinh nghiệm bản thân đã từng dự cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai và chiến tranh Triều Tiên đã phải nhận rằng việc phòng thủ Béc Lan, Luân Đôn, các nhà máy lọc dầu lửa của Đức và các mục tiêu then chốt khác cũng không thể so sánh được với các tổ ong vò vẽ của miền Bắc Việt Nam” (8). Mỹ đã không đạt được bất cứ mục tiêu nào trong chiến tranh phá hoại lần thứ nhất. Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai (4-12/1972), Nixon điên cuồng và tàn bạo hơn Johnson nhiều lần cả về quy mô, bước đi, thủ đoạn,... mặc dù mục tiêu rất giới hạn. Nixon đã dám làm những điều mà trước đây Johnson không dám làm. Trong cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm bằng B-52 vào Hà Nội, Hải Phòng, Nixon muốn tạo ra sức công phá bằng 5 quả bom nguyên tử mà Mỹ ném xuống

Hiroshima và Nagasaki (Nhật Bản) năm 1945, mà không dùng bom nguyên tử. Cuối cùng chúng phải chấp nhận ký Hiệp định Paris mà không sửa chữa được gì so với bản dự thảo đã đồng ý trong cuộc tiếp xúc riêng giữa Mỹ và Việt Nam dân chủ cộng hòa vào đầu tháng 10-1972.

Trừ vũ khí hạt nhân, tất cả vũ khí tối tân lợi hại Mỹ đều đã đem ra sử dụng trong cuộc chiến tranh Việt Nam và cuối cùng chúng cũng vẫn không thể hủy diệt được Việt Nam, không thể giành thắng lợi. Tư tưởng chỉ đạo quân sự “sùng bái” sức mạnh của vật chất-kỹ thuật, vũ khí, hỏa lực đã bị chiến tranh nhân- chiến tranh cách mạng của ta giáng một đòn chí mạng. Sau cuộc chiến, McNamara đã rút ra một trong những kinh nghiệm, bài học là: “Lúc đó chúng ta đã không nhận ra được những hạn chế của các thiết bị kỹ thuật quân sự cao và hiện đại, lực lượng quân sự và học thuyết quân sự trong khi đối đầu với những phong trào nhân dân được huy động cao một cách bất thường. Chúng ta đã thất bại trong việc thích ứng chiến thuật quân sự của chúng ta với nhiệm vụ giành lấy trái tim và khối óc của người dân thuộc một nền văn hóa hoàn toàn khác” (9).

Quy luật của chiến tranh là “mạnh được yếu thua”. Thắng lợi hay thất bại trong một cuộc chiến là tùy thuộc vào tương quan so sánh lực lượng của hai bên

tham chiến. Thế nhưng, sức mạnh ở đây không đơn thuần là sức mạnh quân sự, mà là sức mạnh tổng hợp được thể hiện trên chiến trường bằng những sức mạnh vật chất cụ thể. Dĩ nhiên, ta không bao giờ xem nhẹ vai trò của vũ khí, kỹ thuật quân sự hiện đại, cũng như tiềm lực kinh tế và quốc phòng của Mỹ, nhưng cũng không bao giờ tuyệt đối hóa chúng, không đặt chúng trong quan hệ với con người, trong đó nhân tố con người có vai trò quyết định. Chiến thắng của nhân dân ta chứng minh: “Một nước lớn, một đội quân xâm lược số lượng đông, trang bị rất hiện đại có thể trở thành bất lực và hoàn toàn có thể bị đánh bại trước sức mạnh chiến đấu của một dân tộc nhỏ, nhưng có quyết tâm đánh địch và có cách đánh hay, một dân tộc dũng cảm, thông minh, quyết đánh và đánh giỏi” (10). “Khả năng của một đội quân cách mạng mưu trí và kiên quyết trong việc đánh bại người Mỹ giàu có hơn vô cùng”(11).

2. Mỹ không thể giành lấy thế chủ động, mà chủ yếu là rơi vào thế bị động về chiến lược; từng bước thất bại hết chiến lược chiến tranh này đến chiến lược chiến tranh khác, khi “leo thang” chiến tranh cũng như lúc “xuống thang” chiến tranh để cuối cùng phải chấp nhận thất bại hoàn toàn

Một trong những đặc điểm nổi bật của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là

“cả hai bên ta và địch đều phải vừa đánh vừa tìm hiểu đối phương” (12). Đối với ta, việc xác định sức mạnh tối đa mà Mỹ có thể huy động vào cuộc chiến tranh Việt Nam luôn là một câu hỏi khó. Do vậy, trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh không thể tiến hành chiến tranh theo lối “dốc túi” như trong kháng chiến chống Pháp, mà điều tối quan trọng là phải xác định chính xác mục tiêu của từng bước đi, phải thực hiện nghệ thuật “biết thắng từng bước cho đúng”, giành thắng lợi từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Đối với Mỹ, chúng cũng phải vừa đánh vừa thăm dò, vừa thí nghiệm các chiến lược quân sự, chiến thuật chiến tranh mới, thực hành việc “leo thang chiến tranh”(“escalation of war”) từng bước, khi cần thiết thì xuống thang nhưng vẫn muốn có “thế mạnh” trên bàn hội đàm Paris. Trong cuộc “đấu trí” vừa đánh vừa tìm hiểu đó, do bị chi phối bởi tính phi nghĩa của một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, do phương pháp đánh giá của Mỹ về so sánh lực lượng không được khoa học, biện chứng, do nghệ thuật quân sự của Mỹ lỗi thời, không thích hợp để đối phó với cuộc chiến tranh cách mạng- chiến tranh nhân dân của ta nên Mỹ thường rơi vào thế bị động, đi từ thất bại này đến thất bại khác.

Từ năm 1950, Mỹ đã bắt đầu viện trợ cho Pháp và đến năm 1953 thì 72% chiến

phí của Pháp ở Đông Dương là do Mỹ cung cấp. Tuy vậy, Mỹ không hy vọng gì vào thắng lợi của Pháp mà chỉ chuẩn bị tiền đề cho việc Mỹ nhảy vào Việt Nam thuận lợi nhất. Bên cạnh thắng lợi, hạn chế lớn của Hiệp định Genève-1954 trong việc chỉ giải phóng được một nửa đất nước đã tạo cho Mỹ thêm những điều kiện thuận lợi nhảy vào miền Nam. Từ năm 1954 trở đi Mỹ chủ động dùng “cuộc chiến tranh một phía” để tấn công lực lượng cách mạng và nhân dân ta ở miền Nam. Do tình hình thế giới phức tạp, do chậm phán đoán âm mưu và thủ đoạn của Mỹ,...nên ta đã chậm đề ra đường lối và phương pháp chuyển thể đấu tranh ở miền Nam. Vì vậy trong 4 năm đầu tiên (1954-1958) cách mạng miền Nam chịu nhiều tổn thất do bị địch thẳng tay đàn áp, khủng bố. Cách mạng miền Nam rơi vào thế “thoái thủ và giữ gìn lực lượng cách mạng”(13). Thế nhưng , vào năm 1959-1960 giữa lúc Mỹ Diệm tin tưởng tương quan so sánh lực lượng có lợi nhất cho chúng , chúng hy vọng có thể tiêu diệt được cách mạng miền Nam “ lấp sông Bến Hải” mở đường “Bắc tiến”, thì ta đã nhìn thấy một cách toàn diện, biện chứng tình hình so sánh lực lượng, thấy được cả chỗ mạnh và chỗ yếu của ta và địch, biết và dám dùng chỗ mạnh của ta tiến công vào chỗ yếu của địch để chuyển thể cho cách mạng miền Nam. Đảng ta xác định :

“ Cuối năm 1959 đầu năm 1960, chế độ thống trị ở miền Nam đã lâm vào trình trạng khủng hoảng trầm trọng. Tuy ở thành thị địch còn tương đối mạnh, nhưng trong nhiều vùng nông thôn rộng lớn, địch không thể cai trị nhân dân một cách bình thường được nữa; bộ máy quyền cơ sở từng phần đã suy yếu và bất lực. Còn quần chúng nhân dân, đặc biệt là đông đảo nông dân, thì sục sôi cách mạng, đã tỏ ra kiên quyết và sẵn sàng chiến đấu sống chết với quân thù. Đó là những điều kiện chín muồi cho phép hoạt động quần chúng nhân dân nông thôn nổi dậy khởi nghĩa từng phần, đập tan khâu yếu nhất trong hệ thống cai trị của địch”(14). Mỹ Diệm không hiểu vì sao ta lại có thể tiến hành một cuộc khởi nghĩa to lớn như vậy, phá sập từng mảng lớn hệ thống chính quyền cơ sở ở nông thôn của chúng. Chúng hoàn toàn bất ngờ trước sức vùng dậy mạnh mẽ của lực lượng chính trị và cách ta nắm lấy thời cơ một cách táo bạo để “đồng khởi”, chuyển cách mạng miền Nam sang thế chiến lược tiến công. Với thắng lợi của cuộc “Đồng khởi”-1960, Mỹ Diệm bị đẩy vào thế bị động đối phó, hình thức thống trị của chủ nghĩa thực dân mới bằng chính quyền tay sai độc tài phát-xít đã bị sụp đổ.

Từ năm 1961, Kennedy bị động chuyển sang chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, một trong ba loại chiến tranh của

chiến lược quân sự toàn cầu mới “Phản ứng linh hoạt”(“Flexible response”). Biện pháp chiến lược của Mỹ là dùng quân đội tay sai hành quân càn quét, gom dân thực hiện “quốc sách” “Ap chiến lược” (“Strategic hamlet”). Mỹ ngụy đã hoàn toàn bất ngờ trước khả năng tạo nên sức mạnh tổng hợp của phương pháp cách mạng miền Nam: “hai chân ba mũi”, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến công trên cả ba vùng chiến lược,... Bằng cách đó nhân dân Việt Nam đã “phá lòng”, “phá rã”, “pha banh”, “phá đứt điếm” hệ thống Ap chiến lược của Mỹ ngụy. Sau thắng lợi của ta ở Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài,... từ cuối 1964 đến giữa năm 1965, sự phá sản của “chiến tranh đặc biệt” đã quá rõ, Johnson phải chuyển sang “chiến lược chiến tranh cục bộ”(“Local war” hay “Limited war”).

Mỹ chuyển sang chiến lược chiến tranh mới trên thế thua, thế chiến lược bị động nên dù có đưa ngày càng nhiều quân Mỹ vào miền Nam, “lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn”(15). Trong khi đó, Đảng ta đã dự kiến rất sớm và chính xác về xu hướng phát triển của chiến tranh (Nghị quyết BCHTW lần thứ 9, 12-1963), nên có sự chuẩn bị đối phó, giữ vững và thực hành chiến lược tiến công, kết hợp phản công và tiến công thắng Mỹ ngay từ những trận đầu, đánh

thắng trên cả hai miền Nam Bắc. Quân ta đã chiếm lĩnh và xây dựng thế trận tiến công gần các trung tâm chính trị, các căn cứ quân sự, đường giao thông chiến lược để chia cắt và tiến công địch; kịp thời mở ra những hướng mới đẩy lùi địch vào thế bị động. Tháng 6-1966 ta chủ động mở mặt trận đường 9-Bắc Quảng Trị để thu hút, giam chân và tiêu diệt một lực lượng lớn lính thủy đánh bộ Mỹ, phá vỡ ý định đưa quân Mỹ vào Đồng bằng Sông Cửu Long, phá kế hoạch Mỹ dự định đánh ra khu IV. Cùng với việc bẻ gãy cuộc phản công chiến lược 1966-1967, quân ta đã chủ động mở ra các cuộc tiến công trên nhiều hướng, nhất là hướng rừng núi Bắc Tây Nguyên, Tây khu V, đường số 9, đồng bằng Nam bộ, khu V, Trị Thiên,... Những cuộc hành quân “tìm diệt” của Mỹ để tiến công ta được nhà báo Mỹ Malcolm Browne mô tả như “đang dùng búa tạ đập nút bần trên mặt nước. Bằng cách này hay cách khác nút bần vẫn tồn tại” (16). Một nghiên cứu của MACV(Cơ quan cố vấn viện trợ quân sự Mỹ ở miền nam) cho thấy: “chỉ 1% những cuộc phản công “tìm diệt” của quân Mỹ vào nông thôn là gặp được kẻ địch, còn 85% những cuộc nổ súng thì đối phương là người khai hỏa đầu tiên”(17). Tháng 12-1967, một nghiên cứu tương tự khác của Mỹ, dựa trên 165 cuộc nổ súng thì 73% là do quân ta tiến công trước(18). Sau chiến

thắng đối với cuộc phản công chiến lược mùa khô 1966-1967, Mỹ rơi vào thế “tiến thoái lưỡng nan về chiến lược”. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là một đòn đánh thật mạnh, thật bất ngờ vào ý chí xâm lược của Mỹ với một cách đánh chưa từng diễn ra trước đó. Giữa lúc Mỹ đang “giăng bẫy” ở Khe Sanh chờ ta tạo ra “một cái giống như Điện Biên Phủ”, thì hướng chính của ta là đưa chiến tranh vào thành thị miền Nam. Chiến thắng này “đã tạo bước ngoặt quyết định của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, làm đảo lộn thế bố trí chiến lược của chúng; làm rung chuyển cả nước Mỹ và chấn động dư luận thế giới; làm lung lay tận gốc ý chí xâm lược của giới cầm quyền Mỹ, mở đầu quá trình xuống thang chiến tranh của đế quốc Mỹ”(19).

Những hạn chế của ta do chủ quan trong đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy 1968 (nhất là ở đợt 2 và 3), cùng với việc ta chậm nhận ra âm mưu, thủ đoạn mới của Nixon trong Việt Nam hóa chiến tranh, một sự vận dụng đầu tiên của “học thuyết Nixon”, Mỹ đã có cơ hội chủ động phản công vào vùng nông thôn, giành nhiều thắng lợi, rồi mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. Thời gian 1968-1970 là một trong hai thời kỳ khó khăn nhất của cách mạng miền Nam (thời kỳ 1954-1958 và

1968-1970) với hơn 10 vạn cán bộ, chiến sĩ, cơ sở của ta bị thương vong(20)! Thế nhưng, dù thâm độc và tàn bạo đến đâu, Việt Nam hóa chiến tranh cũng ra đời trong thế thua, thế bị động về chiến lược, thế yếu. Tháng 1-1970, nghị quyết hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 18 đã kịp đưa ra những phán đoán và dự kiến đúng về âm mưu thủ đoạn của Nixon nên ta đã chủ động đối phó, giành thắng lợi lớn ở Kampuchia năm 1970 và ở Lào năm 1971, kịp đưa các binh đoàn chủ lực của ta về đứng chân ở miền Nam, mở ra thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược xuân hè 1972.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 là đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam và cũng là đỉnh cao của sự phá sản của nghệ thuật quân sự của Mỹ ngụy. Do Đảng ta phát huy cao quyền chủ động, tức quyền làm chủ trong chiến tranh và trên toàn chiến trường nên quân địch lâm vào thế bị động ngay từ đầu và ngày càng bị động thêm.

Đảng ta đã sớm chủ động tích cực chuẩn bị cả thế và lực trên cả hai miền Nam Bắc từ đầu năm 1973 nên đã tạo được lực lượng lớn nhất và thế trận có lợi nhất cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Đảng ta phân tích khoa học so sánh lực lượng, hạ quyết tâm chiến lược chính xác, luôn nắm quyền chủ động, biết “phát hiện thời cơ

mới” và “tạo thời cơ mới”, giành thắng lợi ngày càng lớn. Do đó địch đã bị bất ngờ cả về phương hướng, mục tiêu tiến công, về thời gian, lực lượng và cách đánh của ta và tạo cho ta điều kiện tốt nhất để sử dụng yếu tố bất ngờ để đánh bại địch, một vấn đề hàng đầu trong nghệ thuật quân sự. Ở Tây Nguyên địch bị bất ngờ về phương hướng và mục tiêu tiến công. Ở Huế chúng bất ngờ về cách đánh và ở Đà Nẵng bị bất ngờ về thời gian tiến công. Ở Sài Gòn địch bị bất ngờ về cả thời gian và quy mô tiến công(21). Nhưng bất ngờ chiến lược lớn nhất của địch chính là thời gian của cuộc tổng tiến công và nổi dậy. Ngay sau Hiệp định Paris-1973, địch bình định lần chiếm, làm ta mất đất, mất dân, lâm vào thế bị động ở một số vùng ở miền Nam. Điều đó càng làm cho địch chủ quan tin rằng chúng có đến hai năm để phá hoại Hiệp định Paris. Vì vậy, khi trận tổng tiến công và nổi dậy nổ ra, chúng hoàn toàn bị động về chiến lược và không đối phó kịp. Sau chiến tranh nhìn lại tình hình suy yếu của ngụy quân ngụy quyền trong thời gian này, Nixon đổ lỗi cho quốc hội Mỹ đã cắt giảm viện trợ, khiến quân ngụy “bị buộc phải chiến đấu theo kiểu con nhà nghèo”(22). Thế nhưng, ông ta không hiểu rằng đây không phải là nguyên nhân chính, mà cái chính là một hệ thống những sự thất bại và bị động của Mỹ trong suốt cuộc

chiến tranh. Trước đó, với tất cả hòa lực hùng hậu trong tay, Nixon đã làm được gì hay chỉ là phải chấp nhận thất bại đau đớn: ký Hiệp định Paris và rút quân Mỹ về nước vô điều kiện. Nếu quốc hội Mỹ tiếp tục tăng viện trợ cho chế độ Sài Gòn, thì liệu ngụy quân có giành được thế chủ động tiến công hay chỉ là kéo dài thêm chút nữa sự tồn tại của chúng mà thôi!

3. Mỹ không thể phát huy cái mạnh, cái sở trường của chúng, mà trái lại còn bị khoét sâu vào chỗ yếu ngày càng nhiều; không giải quyết được một loạt mâu thuẫn về quân sự (giữa đánh nhanh và đánh lâu dài; giữa phân tán và tập trung; giữa phòng ngự và tiến công;...) khi đối phó với cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện của nhân dân ta

Chỗ yếu rất cơ bản của Mỹ là tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới; Mỹ phải dựa vào ngụy quân ngụy quyền nhưng chúng rất yếu vì không có cơ sở xã hội vững chắc. Hơn nữa Mỹ quá chủ quan trong đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và chúng, xem thường cuộc chiến tranh nhân dân của ta; quá tin vào sức mạnh quân sự với vũ khí và nghệ thuật quân sự của một “quân đội chính quy hiện đại”. Vì thế, phương châm chiến lược của Mỹ là “đánh nhanh thắng nhanh”, càng kéo dài chiến tranh càng không có lợi cho Mỹ về mọi mặt, kể cả về kinh tế. Eisenhower

tưởng rằng chỉ bằng cuộc chiến tranh một phía có thể tiêu diệt lực lượng cách mạng ở miền Nam không có quân đội chính quy. Kế hoạch quân sự Staley-Taylor cho rằng có thể “bình định miền Nam trong vòng 18 tháng”, kế hoạch Johnson- McNamara hy vọng bình định một số vùng trọng điểm ở miền Nam trong vòng hai năm,... Johnson cũng tin rằng leo thang sang chiến tranh cục bộ, một kiểu chiến tranh can thiệp trực tiếp bằng quân đội Mỹ như chiến tranh Triều Tiên, giới hạn trong phạm vi chiến trường miền Nam và dùng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ở miền Bắc là có thể nhanh chóng giành thắng lợi. Điều mà Mỹ rất sợ là phải “sa lầy” (“quagmire”) trong cuộc chiến tranh lâu dài ở Việt Nam đã diễn ra! Năm 1965 khi Mỹ đưa quân vào miền Nam, đồng chí Lê Duẩn nhận định : “Chỗ yếu nhất của Mỹ là phải đánh lâu dài. Hầu hết các cuộc chiến tranh mà Mỹ tiến hành từ Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay, chỉ trong khoảng ba, bốn năm chứ không lâu hơn.”(23). Ngày 17-7-1966 khi Mỹ leo thang chiến tranh ở cả hai miền Nam Bắc, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ cho Mỹ hiểu điều mà Mỹ sợ nhất thì nhân dân ta không sợ : “ Giôn-xơn và bè lũ phải biết rằng chúng có thể đưa 50 vạn quân, một triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam; chúng có thể dùng hàng ngàn

máy bay tăng cường đánh phá miền Bắc nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được ý chí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng, chúng càng hăng thì tội ác của chúng càng nặng. *Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa(nhấn mạnh, V.V.S)*. Hà Nội, Hải phòng; và một số xí nghiệp có thể bị tàn phá; song nhân dân Việt Nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”(24). Do tương quan so sánh lực lượng, phương châm chiến lược của ta là đánh lâu dài; đánh lâu dài là sở trường của ta, càng đánh ta càng mạnh, càng làm chuyển hóa so sánh lực lượng theo hướng có lợi cho ta. Chúng ta biết đánh và biết thắng trong một cuộc chiến tranh lâu dài với Mỹ.

Chỗ mạnh nhất trong tiềm lực quân sự của Mỹ là vũ khí hạt nhân, nhưng do tương quan so sánh lực lượng trên thế giới, do Mỹ không còn độc quyền về vũ khí hạt nhân, do “miền Nam Việt Nam không phải là mối đe dọa sự sống còn của nước Mỹ”(25), nên Mỹ không thể sử dụng chỗ mạnh nhất ấy. Còn với vũ khí thông thường, dù tới tận đến mức nào đi chăng nữa, thực tế chiến tranh cũng cho thấy Mỹ không thể đánh bại cuộc chiến tranh nhân dân do Đảng ta lãnh đạo. Ngày nay giới

nghiên cứu lịch sử và quân sự Mỹ vẫn còn tranh luận nhau, xem sai lầm trong chiến lược quân sự của Mỹ là do không áp dụng những nguyên tắc quân sự cổ điển hay áp dụng sai những nguyên tắc này để đối phó với loại chiến tranh như chiến tranh ở Việt Nam(26). Rõ ràng, chúng ta có thể nói ngay, dù Mỹ vận dụng đúng đắn những nguyên tắc chiến tranh cổ điển của Clausewitz đến mức nào, thì cũng không giành được thắng lợi vì một lẽ đơn giản là những nguyên tắc ấy không đủ sức đối phó với nghệ thuật quân sự, phương pháp cách mạng của cuộc chiến tranh nhân dân-chiến tranh cách mạng Việt Nam phong phú, đa dạng và cực kỳ sáng tạo.

Thế chiến lược của chiến tranh nhân dân địa phương kết hợp với chiến tranh nhân dân của các binh đoàn chủ lực; của lực lượng vũ trang kết hợp với lực lượng chính trị, của ba thứ quân, trên ba vùng chiến lược, của ba mặt trận,... đã hãm địch vào thế bất lợi. Mỹ có đông quân, nhiều vũ khí và như vậy chỉ triển khai thế trận có chiến tuyến rõ ràng thì mới phát huy được sức mạnh. Thế nhưng cuộc chiến tranh nhân dân đánh địch ở khắp nơi, bao vây, chia cắt, tạo ra thế chiến tranh xen kẽ rất triệt để, làm cho đâu đâu cũng là chiến trường, Mỹ không có chỗ nào là an toàn tuyệt đối. Mỹ không thể tập trung quân, mà phải phân tán lực lượng một cách bị động,

từ đó tạo nhiều sơ hở cho ta tiến công. Mặc dù Mỹ có nhiều phương tiện cơ giới, có sức cơ động nhanh, nhưng chúng không thể nhanh hơn ta được, vì với ba thứ quân ở đâu ta cũng có lực lượng đứng sẵn tại chỗ. Nhờ vậy, năm 1965 khi Mỹ đổ quân vào miền Nam, ta mới có thể tiến công chúng khắp mọi nơi, giữ vững và phát huy thế chiến lược tiến công.

Summers cho rằng chiến tranh Việt Nam là “chiến tranh quy ước” (“conventional warfare”), thế mà Mỹ chỉ tập trung vào cuộc chiến tranh chống nổi dậy, tiêu diệt du kích trong khi du kích chỉ có chức năng thực sự là quấy rối, làm hoang mang lực lượng của Mỹ và nguy quân cho chủ lực đánh những đòn quyết định(27). Phân tích như thế là không thỏa đáng! Summers quên rằng các cuộc hành quân “tìm diệt” trong chiến tranh cục bộ chính là nhằm “bê gãy xương sống của Việt Cộng”. Thực ra, Mỹ không làm được điều đó, chứ không phải là không có ý thức. Mỹ bị hãm vào vòng vây của chiến tranh nhân dân, không xác định được đối phương, đánh không trúng, không thi thố được cách đánh sở trường; bị bao vây phân tán và bị tiêu diệt. Trong trận Junction City (45.000 quân Mỹ nguy, trong đó có 35.000 quân Mỹ), Mỹ không thể tiêu diệt được chủ lực của ta. Thế trận chiến tranh nhân dân đã được triển khai trong một vùng căn

cứ không có dân; trong đó ở giai đoạn một, ta chỉ sử dụng chủ yếu là lực lượng du kích và tự vệ cơ quan, làm cho địch hoang mang, còn chủ lực chỉ đánh vừa và nhỏ ở cấp tiểu đoàn; ở giai đoạn hai, quả đấm của các sư đoàn chủ lực của ta đã được tung ra trước sự bất ngờ và bị động của quân Mỹ (28).

Chiến thắng của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã chứng minh cho chiều sâu của trí tuệ Việt

Nam, cho sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân đối phó với chiến tranh xâm lược thực dân mới bằng vũ khí thông thường. Rõ ràng rằng: “Hiện nay, nói về sức mạnh quân sự thì đáng chú ý nhất là sức mạnh của chiến tranh nguyên tử và sức mạnh của chiến tranh nhân dân”(29). Những bài học chiến thắng hôm qua vẫn còn tiếp tục gắn bó với chúng ta trong việc xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam hiện nay.

FAILURE OF THE AMERICAN MILITARY IN THE NEO-COLONIALIST WAR IN VIET NAM (1954-1975)

Vo Van Sen

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT: the paper analyses the failure of the basic prevailing thinking adopted by the US military during the war of aggression in Viet Nam, specifically:

- The over-estimate of US military capability, and its reliance on modern weapon technology

- The US failure to obtain a strategic position of strength

- The US failure to resolve conflicting military tactics between fighting fast and long-standing fighting, between diffusion and concentration, between defensive and offensive... when facing the Vietnam people's war.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Võ Nguyên Giáp, *Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ tổ quốc*. NXB ST, HN, 1979, tr. 382.
- [2]. James S. Olson, Randy Roberts, *Where the Domino fell: American and Vietnam, 1945-1975*. NXB St. Martin's Press, New York, 1996, tr. 163.
- [3]. Marilyn Young, *The Vietnam Wars 1945-1990*. NXB Harper Perennial, 1991, tr. 186.
- [4]. James S. Olson, Randy Roberts, sdd, tr. 161.
- [5]. Gabriel Kolko, *Anatomy of a War*. NXB Pantheon, New York, 1985, tr. 179-180.
- [6]. *Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước- Những sự kiện quân sự*. NXB QĐND, HN, 1980, tr. 112.
- [7]. *Việt Nam anh hùng*, Báo Nhân Dân ngày 29-6-1968.
- [8]. Robert S. Mc Namara, *In Retrospect- the tragedy and lessons of Vietnam*. NXB Times Books, New York, 1995, tr. 322.
- [9]. Võ Nguyên Giáp, sdd, tr. 385.
- [10]. Gabriel Kolko, sdd, tr. 180.
- [11]. Ban Chỉ Đạo Tổng Kết Chiến Tranh (trực thuộc Bộ Chính Trị), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước- Thắng lợi và bài học*. NXB CTQG, HN, 1995, tr. 31, 34.
- [12]. Lê Duẩn, *Hăng hái tiến lên dưới ngọn cờ vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười*, NXB ST, HN, 1969, tr. 41.
- [13]. Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 12, 27-12-1965.
- [14]. James S. Olson, Randy Roberts, sdd, tr. 161.
- [15]. Jaynes Werner, Luu Doan Huynh (edited), *The Vietnam War: Vietnamese and American Perspectives*. NXB M.E. Sharpe, New York, 1993, tr. 155.
- [16]. Ban Chỉ Đạo Tổng Kết Chiến Tranh (trực thuộc Bộ Chính Trị), sdd, tr. 74, 315.
- [17]. Xem Võ Nguyên Giáp, sdd, tr. 489-490.
- [18]. Richard Nixon, *The Memoirs of Richard Nixon*. NXB A Touchstone Book, New York, London,..., 1990, tr. 889.
- [19]. Lê Duẩn, *Thư vào Nam*. NXB ST, HN, 1985, tr. 100.
- [20]. Hồ Chí Minh, *Vì độc lập tự do vì chủ nghĩa xã hội*. NXB ST, HN, 1975, tr.281.
- [21]. Ban Chỉ Đạo Tổng Kết Chiến Tranh (trực thuộc Bộ Chính Trị), sdd, tr. 125.
- [22]. Jaynes Werner, Luu Doan Huynh (edited), sdd, tr. 113.

- [23]. Harry G. Summers, Jr., *On Strategy: A Critical Analysis of the Vietnam War*. NXB Presidio Press, California, 1982, tr. 69.
- [24]. Trần Long, *Có hay không yếu tố bất ngờ của "quả đấm chủ lực"*, BCH Đảng bộ Tây Ninh, BTL QK 7, Quân Đoàn IV, Chiến dịch phản công đánh bại cuộc càn Junction City. NXB QĐND, HN, 1997, tr. 146-152.
- [25]. Lê Duẩn, sđd, tr. 102.